

**CÔNG TY TNHH HILIGHT VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HILIGHT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HILIGHT VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HILIGHT VIET NAM CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109936943

**3. Ngày thành lập:** 18/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 86, ngõ 78, đường 18M, Khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973 253 736

Fax:

Email: [info@hilight.vn](mailto:info@hilight.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý, môi giới hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                        | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                          | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                  | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633        |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659(Chính) |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                        | 8299        |
| 10. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8511        |
| 11. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8512        |
| 12. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8551        |
| 13. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8552        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại | 8559 |
| 15. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                              | 8560 |
| 16. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                  | 6619 |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)                                                                                                                                                                                                                 | 7020 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                        | 4690 |
| 19. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                    | 2740 |
| 20. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                          | 2790 |
| 21. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                | 8211 |
| 22. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                             | 8219 |
| 23. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                               | 3313 |
| 24. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                               | 3314 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                 | 4752 |
| 26. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                          | 4753 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Error: Subreport could not be shown.

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LẠI THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 11/08/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038190022242

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Phòng 1708, tòa nhà S2, chung cư Season Avenue, khu Capitalland Hoàng Thành, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 1708, tòa nhà S2, chung cư Season Avenue, khu Capitalland Hoàng Thành, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội